

KẾT NỐI TRI THỨC | NGŨ VĂN
BẢN XEM TRƯỚC: TRÍCH MẪU THẬT TỪ TÀI LIỆU

CÂU TÚ VÀ HÌNH ẢNH TRONG THƠ TRỮ TÌNH

Ngũ văn 11, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống (Bài 2)
Dùng cho học sinh tự học, giáo viên dạy chính khoá và dạy thêm

Liên hệ nhận bản đầy đủ: Zalo 0328 961 617

TÀI LIỆU NÀY GIÚP ĐƯỢC GÌ

Nhiều học sinh đọc xong một bài thơ vẫn không biết bắt đầu phân tích từ đâu. Bài viết ra những câu như "hình ảnh này gợi nỗi buồn", "bài thơ có cấu tứ vòng tròn", rồi nhận lời phê quen thuộc: chung chung, thiếu chứng cứ. Còn giáo viên thì phải tự gom đề, tự dựng đáp án, tự thống nhất cách chấm giữa các lớp. Tài liệu này gom những việc ấy vào một chỗ.

Nếu điều đang thiếu là một cách bắt đầu khi gặp bài thơ lạ, tài liệu có quy trình sáu câu hỏi đi từ điểm bất thường của văn bản đến tên gọi của cấu tứ (Trích mẫu 1). Người học không cần thuộc nhần, chỉ cần biết tìm chứng cứ ngay trong bài thơ.

Nếu điều đang thiếu là cách viết về hình ảnh để không bị chấm chung chung, tài liệu có bảng "chưa đạt và đạt" cho cùng một hình ảnh (Trích mẫu 2): mỗi hình ảnh được gắn với việc nó làm trong mạch bài, thay vì chỉ gắn với cảm xúc nó gợi.

Nếu điều đang thiếu là điểm ở phần so sánh, liên hệ, tài liệu hướng dẫn ghép hai bài khác đề tài nhưng cùng cách tổ chức, rồi chỉ ra giống và khác có chứng cứ (Trích mẫu 3).

Nếu điều đang thiếu là bộ đề có đáp án và cách chấm thống nhất, tài liệu có mười chín đề thực hành ở ba dạng bài (đọc hiểu, viết đoạn, viết bài). Mỗi đề đều có bảng hướng dẫn chấm kèm cột lỗi diễn đạt thường gặp để giáo viên chấm nhất quán (Trích mẫu 4, 5, 6).

Nếu điều đang thiếu là thử thách cho học sinh giỏi, mỗi đề có thêm một câu hỏi phản biện: bỏ một phần của bài thì cấu tứ còn đứng được không, thay một câu thì mất gì. Đây là cách luyện tư duy đánh giá cho học sinh giỏi.

Gom lại, lí thuyết, quy trình, đề, đáp án, bài mẫu và cách chấm nằm trong một tập, thay vì phải tìm ở nhiều nguồn rời rạc. Ngữ liệu được chọn từ thơ trung đại, ca dao, thơ đầu thế kỉ XX và thơ đương đại, ngoài các văn bản đọc chính của sách giáo khoa, để người học tập nhận ra cấu tứ trên một văn bản mới.

Nội dung bản xem trước

- **Trích mẫu 1.** Quy trình tìm cấu tứ: đi từ điểm bất thường đến tên gọi (Phần I).
- **Trích mẫu 2.** Gắn mỗi hình ảnh với một chức năng trong cấu tứ (Phần I).
- **Trích mẫu 3.** So sánh theo cấu tứ, không theo đề tài (Phần I).
- **Trích mẫu 4.** Một đề viết đoạn văn hoàn chỉnh: "Bản nháp" (Phần III, Đề 4).
- **Trích mẫu 5.** Một đề đọc hiểu hoàn chỉnh: "Chiều hôm nhớ nhà" (Phần II, Đề 1).
- **Trích mẫu 6.** Một đề viết bài văn 600 chữ, phần dàn ý, bảng chấm và câu hỏi phản biện: "Trên những hố bom" (Phần IV, Đề 6).

6. Quy trình tìm cấu tứ của một bài thơ mới: từ điểm bất thường đến tên gọi

Trước bất kì bài thơ nào, học sinh có thể tự đặt và trả lời lần lượt sáu câu hỏi. Câu hỏi đầu tiên luôn là câu tìm điểm bất thường; tên gọi của cấu tứ chỉ đến sau cùng, khi đã có chứng cứ trong văn bản:

- **Câu hỏi 1:** Bài thơ có điểm bất thường nào? Điểm bất thường là chỗ văn bản "lệch" so với điều người đọc chờ đợi. Hãy tìm trong năm loại sau và ghi lại từng điểm kèm số dòng:
 - + Một hình ảnh đối nghĩa hoặc đối trạng thái giữa đầu bài và cuối bài.
 - + Một sự chuyển đổi giác quan hoặc động từ (từ "thấy" sang "nghe", sang "tưởng").
 - + Một dòng thơ đối hẫng độ dài, đứng riêng hoặc ngắt nhịp bất ngờ.
 - + Một từ, một câu lặp lại nhưng không lặp nguyên vẹn (đảo vị trí, thêm bớt chữ).
 - + Một chi tiết dường như thừa, hoặc hai từ đặt cạnh nhau tưởng như mâu thuẫn.
- **Câu hỏi 2:** Bài thơ khởi phát từ đâu (một âm thanh, cảnh vật, khoảnh khắc, sự kiện)?
- **Câu hỏi 3:** Bài thơ dừng lại ở đâu? So với điểm khởi phát, điểm kết trở về, đi xa hơn hay lật ngược?
- **Câu hỏi 4:** Giữa điểm đầu và điểm cuối, cảm xúc đi qua những chặng nào? Chặng nào là bước ngoặt? Bước ngoặt thường trùng với một điểm bất thường vừa tìm được.
- **Câu hỏi 5:** Có hình ảnh, câu thơ nào lặp lại, đối lập hay xuyên suốt không? Đó thường là dấu hiệu lộ ra cái tứ. Với mỗi hình ảnh quan trọng, viết ra chức năng của nó trong mạch bài (xem mục 7).
- **Câu hỏi 6:** Gói tất cả lại trong một câu: từ các điểm bất thường và chứng cứ vừa tìm, gọi tên cấu tứ của bài bằng lời của mình (không mượn nhãn có sẵn), rồi nói cách dựng ấy giúp gì cho việc biểu đạt cảm xúc.

Ba ví dụ dưới đây cho thấy cách đi từ điểm bất thường đến tên gọi. Cách trả lời chưa đạt chỉ nêu nhãn ("bài thơ có cấu tứ vòng tròn"); cách trả lời đạt nêu điểm bất thường trước, rồi mới gọi tên và nói cách tổ chức ấy giúp gì cho cảm xúc.

Bài thơ	Điểm bất thường (chứng cứ trong văn bản)	Cấu tứ được gọi tên sau chứng cứ
"Sông lấp" (Trần Tế Xương)	Hai câu đầu kể thực tại bằng giọng bình thân, chỉ có cái nhìn ("Sông kia rày đã nên đồng"). Đến câu ba, giác quan đột ngột đổi sang tai ("Vẳng nghe tiếng ếch bên tai"). Câu bốn lại đổi sang cái "tưởng" ("Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò"), phủ nhận điều hai câu đầu vừa khẳng định.	Đi từ "thấy" sang "nghe" rồi "tưởng": một âm thanh nhỏ ở hiện tại đánh bật mạch thơ về quá khứ, nên nổi tiếc nhớ lộ ra như một cú giật mình chứ không được tuyên bố.
"Trên những hồ bom" (Phùng Thị Hương Ly)	Ở phần đầu bài, hồ bom là thứ "cả đời cha không sao lấp nổi". Ở khổ cuối, chính khoảng trống ấy được cha "đổ đầy" bằng nước dẫn qua máng tre, rồi có cá quẫy, có	Cấu tứ chuyển hoá: một hình ảnh đối nghĩa từ vết thương sang nơi hồi sinh; hành trình hàn gắn nằm ngay trong sự đối nghĩa ấy.

Bài thơ	Điểm bất thường (chứng cứ trong văn bản)	Cấu tứ được gọi tên sau chứng cứ
	"búp sen ngập ngừng đầy nước".	
"Nhớ đồng" (Tổ Hữu, SGK Ngữ văn 11, tập một)	Mười ba khổ thơ, nhưng chỉ bốn khổ hai dòng (khổ 1, 4, 7, 13) mở bằng "Gì sâu bằng những trưa...", xen giữa những khổ bốn dòng phần lớn mở bằng "Đâu". Khổ 1 và khổ 7 giống nhau; khổ 4 và khổ 13 giống nhau nhưng đảo vị trí hai từ "thương nhớ" và "hiu quạnh", và thêm lời gọi "Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!".	Cấu tứ vòng tròn: hai dòng thơ trở lại làm điệp khúc, vừa là nhịp nghỉ giữa các tầng hồi ức, vừa khép bài ở điểm xuất phát (nhớ nhớ khơi lên từ một tiếng hò), nhưng khép bằng dạng đảo và gọi đích danh "ruộng đồng quê".

TRÍCH MẪU 2 | Gắn mỗi hình ảnh với một chức năng (Phần I, mục 7)

7. Gắn mỗi hình ảnh với một chức năng trong cấu tứ

Khi phân tích hình ảnh, học sinh thường viết: "hình ảnh này gợi nỗi buồn", "hình ảnh này gợi sự cô đơn". Câu viết ấy chỉ trả lời được người đọc cảm thấy gì; nó chưa trả lời câu hỏi cốt lõi của chuyên đề: hình ảnh ấy làm việc gì trong mạch bài. Một hình ảnh quan trọng cần được gắn với một chức năng trong cấu tứ, theo công thức: **hình ảnh (ở dòng nào) + chức năng trong cấu tứ + hiệu quả đối với cảm xúc, tư tưởng**.

Một số chức năng thường gặp:

- **Điểm khởi phát:** hình ảnh (thường là một âm thanh, một khoảnh khắc) làm bật dậy cả mạch thơ.
- **Nhịp nghỉ:** dòng thơ ngắn hoặc hình ảnh đứng riêng, ngắt giữa các tầng cảm xúc để mạch thơ chuyển bậc.
- **Bản lề (bước ngoặt):** hình ảnh nối hai chặng; sau nó, cảm xúc đổi hướng.
- **Đối trọng:** hình ảnh đặt đối lập với một hình ảnh khác để nghĩa của cả hai nổi lên.
- **Điệp khúc, khép vòng:** hình ảnh trở lại để gắn các chặng với nhau và khép bài.
- **Hình ảnh trung tâm:** hình ảnh xuyên suốt, được nhìn từ nhiều phía, có thể đổi nghĩa qua bài.
- **Điểm hội tụ, điểm kết:** hình ảnh dồn cả mạch thơ về một chỗ, hoặc để mở một khoảng lặng.

Bảng dưới đây đặt cạnh nhau hai cách viết về cùng một hình ảnh:

Hình ảnh	Cách viết chưa đạt (chỉ gọi cảm xúc)	Cách viết đạt (gắn chức năng)
Dòng "Miền Trung" đứng riêng ở đầu mỗi khổ (Hoàng Trần Cương)	Dòng thơ này gợi tình yêu quê hương tha thiết.	Dòng "Miền Trung" đứng riêng ở đầu mỗi khổ là nhịp nghỉ giữa các tầng cảm xúc: sau mỗi lần gọi tên, mạch thơ chuyển bậc, từ câu hát sang mảnh đất, từ mảnh đất sang tình người và lời gọi trở về.
"Vắng nghe tiếng ếch bên tai" ("Sông lấp")	Tiếng ếch gợi nỗi buồn vắng lặng.	Tiếng ếch ở câu ba là bản lề của bài: nó chuyển mạch thơ từ cái nhìn (con sông đã thành đồng) sang cái nghe rồi cái "tưởng" (tiếng gọi dò), tức là kéo bài thơ từ hiện tại về quá khứ.
"Cái hạc bay lên vút	Hình ảnh cánh hạc gợi sự	Đây là dòng dài hơn hẳn hai dòng ngắn liền trước nó,

Hình ảnh	Cách viết chưa đạt (chỉ gọi cảm xúc)	Cách viết đạt (gắn chức năng)
tận trời!" ("Tổng biệt")	chia lìa, xa cách.	và là bước ngoặt: cánh hạc hình tượng hoá khoảnh khắc chia lìa, để từ đó các dòng sau chỉ còn người ở lại cùng cảnh vắng.
Hồ bom ("Trên những hồ bom")	Hình ảnh hồ bom gợi nỗi đau chiến tranh.	Hồ bom là hình ảnh trung tâm và đối nghĩa qua bài: ở phần đầu bài là vết thương "cả đời cha không sao lấp nổi", ở khổ cuối là chỗ cha dẫn nước vào để có "búp sen ngập ngừng đầy nước". Cả hành trình từ vết thương đến hồi sinh nằm trong sự đối nghĩa ấy.
"Đó là BẢN NHÁP." ("Bản nháp")	Hình ảnh bản nháp gợi nỗi tiếc nuối.	Hình ảnh chỉ xuất hiện ở dòng cuối nên là điểm hội tụ: nó gom các chặng đời đã kể (tuổi trẻ nông nghênh, hôn nhân, công danh) về một cách gọi chung và soi ngược lên cả bài.

Cách tự kiểm tra: đọc lại câu vừa viết và thử bỏ hình ảnh ấy ra khỏi bài thơ. Nếu mạch thơ vẫn nguyên thì câu viết mới chỉ nói về cảm xúc; nếu mạch thơ bị gãy hoặc đổi hướng thì câu viết đã chỉ đúng chức năng.

8. So sánh theo cấu tứ, không theo đề tài

Khi đề yêu cầu liên hệ, so sánh, nhiều học sinh ghép hai bài cùng đề tài (hai bài thơ về quê hương, hai bài thơ về chia li) rồi kể lại điều hai bài cùng nói. Cách ghép này dễ nhưng nông: cái giống nhau về đề tài không cho thấy điều gì về nghệ thuật. Với chuyên đề này, hãy so sánh theo cấu tứ: ghép hai bài khác đề tài nhưng cùng dùng một cách tổ chức (ví dụ cùng dùng điệp khúc để khép vòng), rồi chỉ ra cách dùng ấy giống và khác nhau ở đâu, và vì sao.

- **Bước 1.** Gọi tên cấu tứ của từng bài bằng chứng cứ (mục 6).
- **Bước 2.** Chọn phương diện so sánh là một thủ pháp tổ chức (điệp khúc, hình ảnh trung tâm, điểm khởi phát, cách kết...), không chọn đề tài.
- **Bước 3.** Nêu điểm giống (cùng thủ pháp), điểm khác (cách vận hành, hiệu quả) và giải thích điểm khác bằng nội dung tư tưởng, cảm xúc riêng của mỗi bài.

Tài liệu đầy đủ có năm cặp văn bản khác đề tài nhưng gần nhau về cấu tứ. Đây là cặp đầu tiên, đặt "Nhớ đồng" (văn bản đọc chính của sách giáo khoa) cạnh một bài thơ đương đại:

Cặp văn bản	Giống nhau về cấu tứ	Khác nhau và lí do
"Nhớ đồng" (Tố Hữu) và "Chẳng gì có thể đẹp hơn" (Nguyễn Giang San, Phần II, Đề 5)	Cùng là cấu tứ vòng tròn dựng trên điệp khúc: một câu (hoặc hai câu) thơ quay lại nhiều lần, làm nhịp nghỉ giữa các tầng cảm xúc và khép bài về điểm xuất phát.	Ở "Nhớ đồng", điệp khúc là cặp dòng ở khổ 1, 4, 7, 13, quay lại không nguyên vẹn (khổ 4 và 13 đảo vị trí "thương nhớ" và "hiu quạnh", thêm lời gọi "Ôi ruộng đồng quê thương nhớ ơi!"), nên vòng tròn khép bằng nỗi hiu quạnh chưa nguôi của người trong khám. Ở "Chẳng gì có thể đẹp hơn", điệp khúc là một câu duy nhất, lặp ở đầu bài, đầu khổ 3 và dòng kết, mang nghĩa khẳng định; câu cuối đứng riêng sau khi cánh đồng, cha mẹ, mùa gặt, bàn tay em đã "chứng minh" cho nó, nên vòng tròn khép bằng sự viên mãn. Một bài nhớ cái ở ngoài tầm tay, một bài ngợi ca cái đang ở trong tay.

Mẫu câu so sánh theo cấu tứ: "Hai bài khác nhau về đề tài nhưng cùng ... để ...", "Điểm khác nằm ở chỗ ..., còn ...", "Sự khác ấy bắt nguồn từ ...". Lưu ý: chỉ so sánh những điểm có chứng cứ trong văn bản; không ép hai bài thành giống nhau, cũng không dừng lại ở việc nêu điểm giống.

TRÍCH MẪU 4 | Một đề viết đoạn văn hoàn chỉnh (Phần III, Đề 4)

Mỗi đề thực hành gồm: đề và ngữ liệu, bảng hướng dẫn chấm có cột lỗi điển đạt thường gặp, đoạn văn tham khảo, và một câu hỏi phản biện. Các lỗi trong bảng chấm được đánh số theo danh sách sau (Phần III, mục 6):

- **Lỗi 1.** Viết thành nhiều đoạn, hoặc viết một đoạn quá dài như một bài văn thu nhỏ.
- **Lỗi 2.** Phân tích lan man cả bài thơ trong khi đề chỉ hỏi một hình ảnh, một khía cạnh.
- **Lỗi 3.** Diễn xuôi ý thơ mà không chỉ ra được nghệ thuật, không có lời bình.
- **Lỗi 4.** Gọi tên cấu tứ nhưng không chỉ ra được hiệu quả của cấu tứ đối với cảm xúc của bài thơ.
- **Lỗi 5.** Gọi tên cấu tứ bằng nhãn có sẵn, không dẫn ra điểm bất thường hay chứng cứ trong văn bản dẫn đến cách gọi ấy.
- **Lỗi 6.** Mô tả hình ảnh bằng cảm xúc chung chung ("gợi nỗi buồn", "gợi sự cô đơn"), không nói hình ảnh ấy làm việc gì trong mạch bài.
- **Lỗi 7.** Dẫn thơ sai chữ hoặc không đặt trong ngoặc kép; dùng sai thuật ngữ (ví dụ gọi từ tượng thanh là từ láy); câu cụt, thiếu chủ ngữ.

ĐỀ SỐ 4 (NGŨ LIỆU THƠ ĐƯƠNG ĐẠI)

Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích hệ thống hình ảnh ẩn dụ và vai trò của hình ảnh "bản nháp" trong cấu tứ của bài thơ sau:

BẢN NHÁP

Ngông nghênh tuổi trẻ,
vô tình đục rạn chân chim mắt mẹ.
Ngông nghênh tuổi trẻ,
vô tình vít còng lưng cha.
Hồn nhiên bước vào ngôi nhà hôn nhân
Cuộc sống lứa đôi
đại ngàn nhiệt đới
Ta bơ vơ đưa trẻ rừng chiều lạc lối.
Như thiêu thân
lao vào ánh sáng công danh
Bảy đại...Ba khôn
Một giận... Mười buồn.
Đi giữa cõi nhân gian

ta như quả non xanh

ủ đất đèn chín ép.

Chuyến tàu đời vừa qua ga Lục Thập

Ngoái lại, ước chi

Đó là BẢN NHÁP.

(Vân Anh, "Bản nháp", in trong "Dưới vòm sữa mẹ", NXB Hội Nhà văn, 2016, tr.31)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ SỐ 4

Tiêu chí	Điểm	Nội dung cần đạt	Lỗi điển đạt thường gặp
a. Hình thức và dung lượng	0,25	Đúng hình thức đoạn văn, khoảng 200 chữ.	Lỗi 1: chép gần hết bài thơ vào đoạn nên vượt xa 200 chữ.
b. Xác định đúng vấn đề	0,25	Hệ thống hình ảnh ẩn dụ và vai trò của hình ảnh "bản nháp" trong cấu tứ bài thơ.	Lỗi 2: bàn về đạo hiếu, hôn nhân, công danh mà không bám hệ thống ẩn dụ và hình ảnh "bản nháp".
c. Triển khai vấn đề	1,0	Cần làm rõ: - Bài thơ là cái nhìn hồi cố của một người đã đi gần hết chuyến tàu đời, soi lại từng chặng sống qua chuỗi hình ảnh ẩn dụ. - Chặng tuổi trẻ: điệp khúc về sự ngông nghênh đi liền với những hình ảnh gây thương tổn cho cha mẹ (nếp nhăn nơi khoé mắt mẹ, tấm lưng còng của cha). - Chặng lập gia đình: hôn nhân như một cánh rừng nhiệt đới, người trong cuộc như đứa trẻ bơ vơ lạc lối. - Chặng lập nghiệp: con thiêu thân lao về phía ánh hào quang danh vọng; trái còn xanh bị giấm cho chín vội. - Hình ảnh "bản nháp" ở dòng cuối là điểm kết và cũng là chìa khoá của cấu tứ: mọi chặng đời vừa kể được nhìn lại như những nét nháp vụng về; lời ước "giá như" bộc lộ niềm tiếc nuối và khát khao được sống lại, sống chậm hơn, sâu hơn. - Đánh giá: hệ thống hình ảnh đời thường mà giàu sức gợi; cấu tứ hồi cố khép bằng một hình ảnh trung tâm khiến bài thơ thành lời tự vấn, đồng thời là lời nhắn cho người trẻ. - Điểm bất thường làm căn cứ: điệp khúc "Ngông nghênh tuổi trẻ" lặp hai lần nhưng đi với hai thương tổn khác nhau (mắt mẹ, lưng cha); nhan đề "Bản nháp" không hề xuất hiện trong thân bài mà chỉ hiện ở dòng cuối, viết hoa, sau lời ước bỏ lửng "ước chi". - Chức năng của hình ảnh trong cấu tứ:	Lỗi 3: kể lại các chặng đời (tuổi trẻ, hôn nhân, công danh) mà không gọi tên ẩn dụ nào. Lỗi 5: gọi "cấu tứ hồi tưởng" mà không chỉ ra "bản nháp" khoá cấu tứ ở dòng cuối. Lỗi 6: viết "bản nháp gợi nỗi tiếc nuối" mà không nêu điểm hội tụ.

Tiêu chí	Điểm	Nội dung cần đạt	Lỗi điển đạt thường gặp
		mỗi ẩn dụ (đại ngàn nhiệt đới, thiêu thân, quả non ủ đất đèn) là một chặng đời; "bản nháp" là điểm hội tụ gom các chặng ấy và soi ngược lên cả bài.	
d. Chính tả, ngữ pháp	0,25	Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu.	Lỗi 7: chép sai "Lục Thập", "ngông nghênh"; lẫn lộn thơ với lời bình trong một câu.
đ. Sáng tạo	0,25	Có suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.	Lỗi 4: lời nhắn người trẻ chung chung, không đi từ hình ảnh "bản nháp".
Tổng	2,0		

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Bài thơ "Bản nháp" của Vân Anh được dựng như một lần ngoái nhìn từ cuối chuyến tàu đời, và toàn bộ cấu tứ ấy được khoá lại bằng một hình ảnh duy nhất ở dòng cuối: bản nháp. Trước khi chạm tới hình ảnh trung tâm, người đọc đi qua một chuỗi ẩn dụ tương ứng với từng chặng sống. Tuổi trẻ hiện lên trong điệp khúc ngông nghênh, đi liền với những vết thương vô tình để lại trên đôi mắt mẹ, tấm lưng cha **"Ngông nghênh tuổi trẻ, / vô tình đục rạn chân chim mắt mẹ. / Ngông nghênh tuổi trẻ, / vô tình vít còng lưng cha."** Bước vào hôn nhân, con người như đứa trẻ bơ vơ giữa một cánh rừng nhiệt đới, ngỡ ngác khi chiều xuống **"đại ngàn nhiệt đới / Ta bơ vơ đứa trẻ rừng chiều lạc lối."** Lao vào công danh, ta như con thiêu thân lao về phía ánh hào quang, như trái còn xanh bị giấm cho chín vội **"Như thiêu thân / lao vào ánh sáng công danh / ta như quả non xanh / ủ đất đèn chín ép."** Những hình ảnh ấy đều đời thường, quen thuộc, nhưng xếp cạnh nhau lại thành một tấm bản đồ của sự vội vàng. Để rồi khi chuyến tàu đã tới chặng sáu mươi, người trong cuộc ngoái lại và chỉ biết ước giá như tất cả chỉ là một bản nháp **"Chuyến tàu đời vừa qua ga Lục Thập / Ngoái lại, ước chi / Đó là BẢN NHÁP."** Hình ảnh ấy vừa là điểm kết, vừa soi ngược lên mọi chặng trước: những nét viết vội vàng, những chỗ tẩy xoá không thể làm lại. Chính cấu tứ hồi cố khép bằng một hình ảnh trung tâm đã biến bài thơ thành lời tự vấn chân thành của một đời người, đồng thời là lời nhắn khế khàng gửi người trẻ: đời không có bản nháp, nên hãy sống chậm lại và thương người thân nhiều hơn.

CÂU HỎI PHẢN BIỆN ĐỀ SỐ 4 (KHÔNG TÍNH ĐIỂM)

Câu hỏi. Nếu bỏ khổ cuối của "Bản nháp" (ba dòng cuối: "Chuyến tàu đời vừa qua ga Lục Thập / Ngoái lại, ước chi / Đó là BẢN NHÁP."), cấu tứ của bài còn đứng được không?

Gợi ý trả lời:

- Không đứng được như một cấu tứ hồi cố khép bằng một hình ảnh. Phần còn lại là ba chặng đời với các ẩn dụ (đại ngàn, thiêu thân, quả non), mỗi chặng một hình ảnh rời.
- Mất điểm hội tụ ("bản nháp"); mất cái nhìn từ ga Lục Thập (người nói đứng ở đâu để nhìn lại); mất lời ước bỏ lửng.

- Nhan đề "Bản nháp" khi ấy không có chỗ đáp trong thân bài; chuỗi ẩn dụ thành liệt kê. Kết luận: khổ cuối là chìa khoá của cấu tứ.

Ở Phần II, các lỗi trong bảng chấm được đánh số theo danh sách sau (Phần II, mục 4). Mỗi câu hỏi có điểm riêng, nội dung cần đạt và lỗi diễn đạt thường gặp.

4. Những lỗi thường gặp khi làm câu hỏi đọc hiểu

Các lỗi dưới đây được đánh số để cột "Lỗi diễn đạt thường gặp" trong từng bảng hướng dẫn chấm của Phần II dẫn chiếu đến.

- **Lỗi 1.** Chép sai hoặc không đặt trong ngoặc kép câu thơ, từ ngữ dẫn chứng; chỉ ra thiếu số lượng đề yêu cầu; hoặc diễn giải dài khi đề chỉ yêu cầu "chỉ ra".
- **Lỗi 2.** Dùng sai thuật ngữ: gọi nhầm thể thơ (thơ bảy chữ với thất ngôn bát cú, thơ tự do với thơ năm chữ), nhầm nhân vật trữ tình với đối tượng trữ tình hoặc với tác giả, nhầm đề tài với chủ đề.
- **Lỗi 3.** Nêu tác dụng thiếu tầng: chỉ nói tác dụng về nội dung hoặc chỉ nói về nghệ thuật; hoặc chỉ viết câu chung chung như "làm câu thơ hay hơn", "tăng sức gợi hình".
- **Lỗi 4.** Mô tả hình ảnh bằng cảm xúc chung chung ("gợi nỗi buồn", "gợi sự cô đơn") mà không nói hình ảnh ấy làm việc gì trong mạch bài (điểm khởi phát, bản lề, đối trọng, điểm kết...).
- **Lỗi 5.** Gọi tên cấu tứ bằng nhãn có sẵn ("cấu tứ vòng tròn", "cấu tứ hành trình") không kèm điểm bất thường, chặng vận động, điểm kết làm chứng cứ; hoặc đồng nhất cấu tứ với bố cục, mạch cảm xúc, chủ đề.
- **Lỗi 6.** Giải mã hình ảnh tượng trưng thiếu căn cứ: gán nghĩa biểu trưng mà không dựa vào ngữ cảnh bài thơ, điển tích, chú thích; hoặc chỉ nêu nghĩa biểu trưng mà bỏ qua nghĩa thực.
- **Lỗi 7.** Ở câu vận dụng và câu phản biện: lập trường không rõ, lan man ngoài văn bản, liên hệ chung chung không gắn hình ảnh thơ; câu cắt, thiếu chủ ngữ, lặp ý; viết quá dài ở câu nhận biết nhưng sơ sài ở câu vận dụng.

ĐỀ SỐ 1

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

CHIỀU HÔM NHỚ NHÀ

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lẩn trống đồn.
Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn Chương Đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kẻ nỗi hàn ôn?*

(Bà Huyện Thanh Quan, "Chiều hôm nhớ nhà")

*Chú thích: Bài thơ còn có tên "Buổi chiều lữ thứ"; câu 7, có bản chép "trang đài".
Bảng lảng: lơ mờ, mờ nhạt. Viễn phố: bến xa. Mực tử: trẻ chăn trâu. Cô thôn: thôn xóm hẻo lánh. Ngàn mai: rừng cây mai. Chương Đài: tên một đường phố ở kinh đô Trường An (Trung Quốc), ở đây chỉ nơi người thân (người vợ) ở nhà. Lữ thứ: người ở nơi đất khách. Hàn ôn: lạnh, ấm, chỉ nỗi niềm tâm sự.*

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định thể thơ và nhân vật trữ tình của bài thơ.

Câu 2 (0,5 điểm). Chỉ ra những hình ảnh con người xuất hiện trong bốn câu thơ đầu.

Câu 3 (1,0 điểm). Nêu tác dụng của biện pháp đối trong hai câu thơ: "Gác mái, ngư ông về viễn phố, / Gõ sừng, mực tử lại cô thôn."

Câu 4 (1,0 điểm). Xác định cấu tứ của bài thơ. Chỉ ra sự đối lập ngầm giữa hình ảnh "khách bước dồn" với các hình ảnh đứng trước nó.

Câu 5 (1,0 điểm). Từ bài thơ, anh/chị hãy nhận xét về vai trò của cảnh chiều trong việc khơi gợi nỗi nhớ nhà ở thơ trữ tình (trình bày trong khoảng 5 đến 7 dòng).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ SỐ 1

Câu	Điểm	Nội dung cần đạt	Lỗi diễn đạt thường gặp
Câu 1	0,5	- Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật (0,25 điểm). - Nhân vật trữ tình: người lữ khách xa nhà, chính là tác giả (người "lữ thứ" trên đường) (0,25 điểm).	Lỗi 2: ghi "thơ bảy chữ" thay cho "thất ngôn bát cú Đường luật"; nhầm nhân vật trữ tình với "ngư ông" hoặc "mực tử".
Câu 2	0,5	Hình ảnh con người: "ngư ông" (người đánh cá) gác mái chèo về bến xa; "mực tử" (trẻ chăn trâu) gõ sừng trâu trở lại xóm vắng. Mỗi hình ảnh đúng được 0,25 điểm.	Lỗi 1: nêu "ngư ông", "mực tử" nhưng không đặt trong ngoặc kép; thêm cả "khách" (không thuộc bốn câu đầu); diễn giải dài khi đề chỉ yêu cầu chỉ ra.
Câu 3	1,0	- Chỉ ra phép đối: "Gác mái" đối "Gõ sừng", "ngư ông" đối "mực tử", "về viễn phố" đối "lại cô thôn" (0,25 điểm). - Tác dụng về nội dung: vẽ nên bức tranh chiều quê cân xứng, hài hoà, cả trên sông nước lẫn trên đồng ruộng, con người đều đang trên đường trở về chốn nghỉ ngơi sau một ngày (0,5 điểm). - Tác dụng về nghệ thuật: tạo nhịp điệu cân đối, chậm rãi, đúng đặc trưng thơ Đường luật; chuẩn bị cho sự đối lập với hình ảnh người lữ khách ở các câu sau (0,25 điểm). - Chức năng trong cấu tứ: hai câu thực là cảnh nền của muôn vật trở về, làm đối trọng để câu luận "khách bước dồn" nổi lên.	Lỗi 3: chỉ nói "cân đối, hài hoà" mà không chỉ ra các cặp đối ("Gác mái" / "Gõ sừng"); bỏ qua tầng tác dụng chuẩn bị cho câu luận. Lỗi 4: viết "tạo không khí buồn" mà không nói hai câu thực làm nền đối trọng.
Câu 4	1,0	- Cấu tứ: bài thơ đi từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Điểm khởi phát là cảnh chiều tà với ánh hoàng hôn và âm thanh tiếng ốc, tiếng trống; tiếp đó là cảnh muôn vật trở về (người đánh cá, trẻ chăn trâu, cánh chim); điểm kết là nỗi cô đơn, nhớ nhà không biết tỏ cùng ai của người lữ khách	Lỗi 5: chỉ ghi "cấu tứ từ cảnh đến tình", không nêu điểm khởi phát và điểm kết; đồng nhất cấu tứ với bố cục (bốn câu đầu, bốn câu sau). Lỗi 4: không chỉ ra "khách bước dồn" đối lập với các hình ảnh "về".

Câu	Điểm	Nội dung cần đạt	Lỗi diễn đạt thường gặp
		(0,5 điểm). - Sự đối lập ngầm: ngư ông "về", mục tử "lại", chim "bay mỗi" về rừng, tức là mọi vật đều có nơi để trở về khi chiều xuống; riêng người khách vẫn "bước dồn" trên dặm đường xa, chưa có chốn nghỉ chân. Sự đối lập giữa "về" và "đi" làm nổi cô đơn, lạc lõng và nỗi nhớ nhà của nhân vật trữ tình thêm sâu sắc (0,5 điểm). - Điểm bất thường làm căn cứ: ba hình ảnh trước đều có hướng "về" ("về viễn phố", "lại cô thôn", chim "bay mỗi"), chỉ riêng "khách bước dồn" đi tiếp; hai câu kết đột ngột đổi từ tả sang hỏi ("Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?"). - Chức năng: "khách bước dồn" là bản lề chuyển từ ngoại cảnh sang tâm cảnh.	
Câu 5	1,0	Học sinh trình bày theo cách riêng, có lí giải hợp lí. Gọi ý: - Buổi chiều là thời điểm kết thúc một ngày, khi muôn vật, con người trở về tổ ấm; với người xa quê, chính khoảnh khắc ấy làm thức dậy cảm giác thiếu vắng, khơi lên nỗi nhớ nhà. - Trong bài thơ, cảnh chiều không chỉ làm nền mà trở thành điểm khởi phát của câu tứ: cảnh càng đông vui cảnh trở về, người lữ khách càng thêm thía sự cô đơn. - Cảnh chiều gắn với nỗi nhớ là một mô típ quen thuộc của thơ trữ tình từ cổ điển đến hiện đại, cho thấy sự gắn bó sâu nặng của con người với gia đình, quê hương. - Cho điểm: 1,0 điểm khi nêu được nhận xét rõ ràng, có lí giải và liên hệ bài thơ; 0,5 điểm khi nhận xét chung chung, ít lí giải.	Lỗi 7: nhận xét chung chung "chiều gợi nhớ nhà" không gắn với bài thơ; không đủ hoặc vượt quá 5 đến 7 dòng.
Tổng	4,0		

CÂU HỎI PHẢN BIỆN ĐỀ SỐ 1 (KHÔNG TÍNH VÀO THANG 4,0 ĐIỂM)

Câu hỏi. Nếu bỏ hai câu thực ("Gác mái, ngư ông về viễn phố, / Gõ sừng, mục tử lại cô thôn."), câu tứ từ ngoại cảnh đến tâm cảnh của bài còn đứng được không? Hãy lập luận bằng chứng cứ trong văn bản.

Gợi ý trả lời:

- Lập trường hợp lí: vẫn đọc được mạch từ cảnh chiều đến nỗi nhớ nhà, nhưng câu tứ yếu đi rõ rệt (đứng được nhưng không còn vững).
- Lí do: hai câu thực là chỗ duy nhất đặt hình ảnh con người đang trở về chốn nghỉ; có nó, "khách bước dồn" mới là sự lạc lõng được chứng minh bằng đối sánh. Bỏ nó, nỗi cô đơn ở câu kết thành lời tuyên bố, không còn hình ảnh làm đối trọng.
- Lưu ý: chim "bay mỗi" ở câu năm vẫn gợi cảnh trở về nên một phần đối trọng còn lại; nhưng đó chỉ là một hình ảnh, mất đi nhịp "về", "lại" liền hai câu.

Mỗi đề Phần IV gồm đề, dàn ý chi tiết, bài viết tham khảo của giáo viên, bài viết dành cho học sinh, hướng dẫn chấm và câu hỏi phản biện. Bản xem trước chỉ lấy các phần cho thấy rõ cách làm: điểm bất thường, bảng chức năng hình ảnh, so sánh theo cấu tứ, bảng chấm và câu hỏi phản biện. Các lỗi trong bảng chấm được đánh số theo danh sách sau (Phần IV, mục 6):

- **Lỗi 1.** Diễn xuôi lần lượt từng câu thơ, biến bài phân tích thành bài kể lại nội dung.
- **Lỗi 2.** Có gọi tên cấu tứ ở phần khái quát nhưng các luận điểm sau không bám vào cấu tứ ấy.
- **Lỗi 3.** Dồn hết sức vào phân tích nội dung, phần nghệ thuật chỉ liệt kê vài biện pháp tu từ.
- **Lỗi 4.** Dùng nhận định lí luận chung chung, không kết nối với bài thơ đang phân tích.
- **Lỗi 5.** Kết bài lặp lại nguyên văn mở bài.
- **Lỗi 6.** Mô tả hình ảnh bằng cảm xúc chung chung ("gợi nỗi buồn", "gợi sự cô đơn"), không nói hình ảnh ấy làm việc gì trong mạch bài.
- **Lỗi 7.** Gọi tên cấu tứ bằng nhãn có sẵn, không dẫn ra điểm bất thường hay chứng cứ trong văn bản dẫn đến cách gọi ấy.
- **Lỗi 8.** So sánh theo đề tài: ghép hai bài cùng chủ đề rồi kể lại điều hai bài cùng nói, thay vì so sánh cách tổ chức (cấu tứ).
- **Lỗi 9.** Dẫn thơ sai chữ hoặc không đặt trong ngoặc kép; câu cụt, thiếu chủ ngữ; dùng sai thuật ngữ (nhầm cấu tứ với bố cục, nhầm hình ảnh tượng trưng với biện pháp tu từ).

ĐỀ 6. TRÊN NHỮNG HỒ BOM - PHÙNG THỊ HƯƠNG LY (NGŨ LIỆU THƠ ĐƯƠNG ĐẠI)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) phân tích, đánh giá cấu tứ và hình ảnh tượng trưng "hồ bom" trong bài thơ sau:

TRÊN NHỮNG HỒ BOM

Xanh lên những mùa cây
Dọc đôi biên ải
Mùi thuốc súng tan vào lòng đất
Mây đã mang đi bụi mù rất bồng
Vết sẹo là khoảng trống khôn cùng
Tu hú vọng da diết bên thung
Từng chùm vải rùng au au chín
Nhìn bầy chim đến chờ mùa đi
Tiếng hót chành chao bên hồ bom cả đời cha không sao lấp nổi

Những đêm cơn trùng ri ri lòng núi

Cha kể chúng con nghe câu chuyện đọc chiến hào
Chuyện người cừu binh mất ngủ
Hòa vào những đêm thanh lặng
Đình ninh phía trước mình là đồng đội
Người đi giữa sương khuya mòn mỏi
Lấn vào đoàn quân qua dọc cánh rừng

Tiếng tu hú trở về mùa vại
Biêng biếc vùng trời
Cha bắc máng tre dẫn nước đỏ đầy khoảng trống
Tay đập đập vun đầy những bờ cỏ xanh tơ
Mầm sông nảy nở trên kí ức
Bầy cá quẫy động trăng rằm
Người cừu binh không còn những đêm thức trắng
Lưng đôi âm âm gió
Búp sen ngập ngừng đáy nước
Mùa thơm ngan ngát bên đồi.

(Phùng Thị Hương Ly, "Trên những hố bom", in trong "Dưới vòm hoa đại khai", NXB Hội Nhà văn, 2023)

Chú thích: Bài thơ thuộc chùm thơ của tác giả đạt giải Nhì cuộc thi thơ do Tạp chí Văn nghệ Quân đội tổ chức (2021 - 2022).

PHẦN A. DÀN Ý CHI TIẾT

I. MỞ BÀI: DẪN DẮT VÀ ĐỊNH HƯỚNG

- **Bước 1. Dẫn dắt.** Thạch Lam quan niệm văn chương là "một thứ khí giới thanh cao và đặc lực" để làm cho lòng người "được thêm trong sạch và phong phú hơn". Có những bài thơ làm được điều ấy bằng cách cho ta thấy vết thương có thể nở hoa.
- **Bước 2. Giới thiệu.** Phùng Thị Hương Ly là cây bút nữ trẻ của vùng núi phía Bắc. "Trên những hố bom" in trong tập "Dưới vòm hoa đại khai" (NXB Hội Nhà văn, 2023), thuộc chùm thơ đạt giải Nhì cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ Quân đội.
- **Bước 3. Nêu vấn đề.** Bài thơ có cấu tứ chuyển hoá: hố bom đi từ vết sẹo chiến tranh đến nơi sự sống hồi sinh; hình ảnh tượng trưng ấy gói trọn hành trình hàn gắn vết thương của đất và của người.

II. THÂN BÀI: TRIỂN KHAI CHI TIẾT

1. Khái quát bài thơ

- **Câu chủ đề:** "Trên những hố bom" là bài thơ về sự hồi sinh trên chính dấu tích của chiến tranh.
- **Nhân vật trữ tình và bối cảnh:** người con kể về người cha cừu binh trên vùng đồi biên giới từng chịu bom đạn.
- **Điểm bất thường (tìm trước, gọi tên cấu tứ sau):**

- + Ở phần đầu bài, hố bom là thứ "cả đời cha không sao lấp nổi"; ở khổ cuối, cha lại "đổ đầy khoảng trống": hai hành động ngược hướng với cùng một đối tượng.
- + "Khoảng trống" được gọi tên ngay từ phần đầu bài ("Vết sẹo là khoảng trống khôn cùng"), nên việc đổ đầy nước ở khổ cuối là sự đáp lại trực tiếp.
- + Tiếng tu hú, mùa vải trở lại ở khổ cuối gần như nguyên vẹn so với phần đầu bài, nhưng người thì khác: cha đã hành động, người cựu binh không còn thức trắng.
- **Gọi tên cấu tứ từ chứng cứ trên:** cấu tứ chuyển hoá: một hình ảnh trung tâm đổi nghĩa từ vết thương sang nơi hồi sinh.
- **Mạch cảm xúc, cấu tứ:** khổ 1 là cây xanh trở lại trên đồi, nhưng vết sẹo chiến tranh vẫn còn đó; khổ 2 là mùa vải, tiếng tu hú và hố bom cha không lấp nổi; khổ 3 là kí ức chiến hào và những đêm mất ngủ của người cựu binh; khổ 4 là bước ngoặt: cha dẫn nước vào hố bom, mầm sống nảy lên, sen nở, người cựu binh ngủ yên. Cấu tứ đi từ vết thương đến hàn gắn, từ kí ức đến hiện tại, quy tụ quanh hình tượng trung tâm là hố bom.
- **Chủ đề bao trùm:** nỗi đau chiến tranh, sự bền bỉ hàn gắn và khát vọng sống của con người.
- **Câu chuyển đoạn:** lần theo hình ảnh hố bom qua từng khổ, ta sẽ thấy nó đổi nghĩa ra sao.

(Bản đầy đủ còn có ba luận điểm phân tích nội dung, phần nghệ thuật và đánh giá nâng cao, tiếp theo là bài viết tham khảo của giáo viên và bài viết dành cho học sinh.)

- **Chức năng của các hình ảnh chính trong cấu tứ** (mỗi hình ảnh gắn với việc nó làm trong mạch bài, không chỉ với cảm xúc nó gọi):

Hình ảnh (đồng thơ)	Chức năng trong cấu tứ (làm việc gì trong mạch bài)	Hiệu quả đối với cảm xúc, tư tưởng
"Xanh lên những mùa cây / Dọc đồi biên ải" (đầu bài)	Điểm khởi phát: mở bằng cảnh đã lành ở bề mặt, để vết sẹo bên dưới hiện ra như một nghịch lí.	Cho cái đau nằm dưới cái xanh.
"Vết sẹo là khoảng trống khôn cùng" (phần đầu bài)	Bản lẻ ẩn dụ: dấu vết chiến tranh được gọi bằng "vết sẹo", "khoảng trống" trước khi hố bom được gọi đích danh; cách gọi này chuẩn bị cho việc "đổ đầy" ở khổ cuối.	Làm vết thương thành một chỗ có thể lấp đầy bằng cách khác.
"hố bom cả đời cha không sao lấp nổi" (cuối phần đầu bài)	Hình ảnh trung tâm ở trạng thái 1 (vết thương): câu dài nhất của khổ đầu, như một cú ghen.	Nỗi đau không thể xoá.
"chiến hào", "đoàn quân qua dọc cánh rừng" (khổ ba)	Chặng giải thích: đưa kí ức vào hiện tại, cho biết vì sao "không lấp nổi".	Nỗi đau chiến tranh còn sống trong đêm của người cựu binh.
"Cha bắc máng tre dẫn nước đổ đầy khoảng trống" (khổ cuối)	Bước ngoặt: đổi động từ từ "lấp" sang "đổ đầy", hố bom đổi nghĩa mà không bị xoá.	Hàn gắn bằng lao động chứ không bằng quên.
"búp sen ngập ngừng đầy nước" (cuối khổ cuối)	Hình ảnh trung tâm ở trạng thái 2 (hồi sinh); điểm kết mở, chữ "ngập ngừng" giữ lại sự thận trọng.	Sự sống mọc lên trên kí ức, nhẹ nhàng mà không quên.

- **So sánh theo cấu tứ (thêm một cặp):** đặt cạnh "Bếp quê" (Phần III, Đề 6): hai bài khác đề tài nhưng cùng đặt một hình ảnh trung tâm ở hai đầu bài để người đọc đối chiếu. Hố bom đối nghĩa nhờ hành động của người cha (dẫn nước, đắp bờ), nên nỗi đau được chuyển hoá bằng sự biến đổi của sự vật; khói bếp vẫn lên như ngày trước, cái đối là người nhìn: người con đi xa rồi trở về nhận lỗi.

PHẦN D. HƯỚNG DẪN CHẤM (CÓ CỘT LỖI ĐIỂN ĐẠT THƯỜNG GẶP)

Tiêu chí	Điểm	Nội dung cần đạt	Lỗi điển đạt thường gặp
a. Bố cục và dung lượng	0,25	Đủ ba phần, khoảng 600 chữ; thân bài chia theo ba luận điểm.	Lỗi 5: kết bài lặp lại nguyên văn mở bài.
b. Xác định đúng vấn đề	0,5	Nêu đúng vấn đề: cấu tứ chuyển hoá và hình ảnh tượng trưng hố bom.	Lỗi 4: dẫn nhận định của Thạch Lam rồi bàn về văn chương nói chung, không nối với hố bom.
c1. Khái quát và gọi tên cấu tứ bằng chứng cứ	0,5	Gọi tên cấu tứ từ điểm bất thường: hai hành động ngược hướng "lấp" và "đổ đầy" với cùng một đối tượng; "khoảng trống" được gọi từ phần đầu bài; tu hú, mùa vải trở lại mà người đã khác.	Lỗi 7: ghi "cấu tứ chuyển hoá" như nhãn, không dẫn chứng.
c2. Phân tích nội dung theo các chặng	1,0	Ba luận điểm: hai khổ đầu (vết sẹo, "không sao lấp nổi"); khổ ba (kí ức chiến hào, đêm mất ngủ); khổ cuối (dẫn nước, sen nở, ngủ yên).	Lỗi 1: kể lại từng khổ. Lỗi 6: viết "hố bom gợi nỗi đau chiến tranh" mà không nói hình ảnh đối nghĩa.
c3. Nghệ thuật và chức năng hình ảnh	0,5	Thể thơ tự do, khổ cuối dài nhất; hố bom là hình ảnh trung tâm đối nghĩa; tu hú, mùa vải hô ứng hai đầu; giọng thơ từ day dứt sang hi vọng.	Lỗi 3: liệt kê "ẩn dụ, điệp cấu trúc". Lỗi 9: nhầm "vết sẹo" (ẩn dụ) với "hố bom" (hình ảnh tượng trưng).
c4. Đánh giá nâng cao, so sánh theo cấu tứ	0,5	Đánh giá cái nhìn mới của nhà thơ trẻ về chiến tranh; so sánh theo cấu tứ với "Tràng giang" (luân phiên hai hệ hình ảnh) và "Bếp quê" (hình ảnh không đối, người đối).	Lỗi 8: so sánh với bài thơ chiến tranh khác chỉ vì cùng đề tài.
d. Chính tả, ngữ pháp	0,25	Dẫn thơ chính xác, trình bày sạch.	Lỗi 9: chép sai "biên ải", "máng tre", "ngập ngừng đầy nước".
đ. Sáng tạo	0,5	Có góc nhìn riêng, ví dụ phân biệt "lấp" và "đổ đầy" để lí giải điểm đối nghĩa.	Lỗi 4 và 6: kết "bài thơ ca ngợi hoà bình" chung chung.
Tổng	4,0		

PHẦN E. CÂU HỎI PHẢN BIỆN (KHÔNG TÍNH VÀO THANG 4,0 ĐIỂM)

Câu hỏi. Ở phần đầu bài, hố bom là thứ "cả đời cha không sao lấp nổi"; ở khổ cuối, cha lại "đổ đầy khoảng trống". Nhà thơ có tự mâu thuẫn không? Hãy phân biệt "lấp" và "đổ đầy" để giải thích điểm đối nghĩa của hình ảnh trung tâm.

Gợi ý trả lời:

- Không mâu thuẫn.
- "Lấp" là xoá dấu vết bằng đất, chôn đi; "không sao lấp nổi" nói rằng kí ức không thể xoá.
- "Đổ đầy" là cho khoảng trống có thứ khác vào mà không xoá: nước, cá, sen; hồ vẫn là hồ nhưng mang sự sống.
- Vì thế hồ sinh ở đây không đồng nghĩa với quên; đó chính là điểm đối nghĩa của hồ bom, từ vết thương cần che giấu thành nơi nuôi sự sống, và cấu tứ chuyển hoá có chứng cứ ngay trong chữ.

BÊN TRONG BẢN ĐẦY ĐỦ

Phần	Nội dung
Phần I. Tri thức Ngữ văn	Cấu tứ, hình ảnh thơ, yếu tố tượng trưng; quy trình sáu câu hỏi từ điểm bất thường đến tên gọi; gắn hình ảnh với chức năng; so sánh theo cấu tứ; bảng tổng hợp ba văn bản đọc chính của Bài 2; những lỗi thường gặp.
Phần II. Đọc hiểu	Quy trình đọc bốn bước; tám dạng câu hỏi kèm cách trả lời; bảy đề thực hành có bảng chấm kèm cột lỗi diễn đạt và câu hỏi phản biện.
Phần III. Viết đoạn văn	Kĩ năng viết đoạn nghị luận khoảng 200 chữ; sáu đề thực hành, mỗi đề có bảng chấm, đoạn văn tham khảo và câu hỏi phản biện.
Phần IV. Viết bài văn	Kĩ năng viết bài nghị luận khoảng 600 chữ; sáu đề thực hành, mỗi đề gồm dàn ý chi tiết (có điểm bất thường, bảng chức năng hình ảnh, so sánh theo cấu tứ), bài viết tham khảo của giáo viên, bài viết dành cho học sinh, hướng dẫn chấm và câu hỏi phản biện.
Quy mô	Hơn một trăm trang; mười chín đề thực hành; mười chín câu hỏi phản biện; mười chín bảng chấm riêng từng đề cùng hai bảng tiêu chí chung.

Ngữ liệu của mười chín đề thực hành

Phần	Văn bản	Tác giả, thời kì
II, Đề 1	"Chiều hôm nhớ nhà"	Bà Huyện Thanh Quan, thơ trung đại
II, Đề 2	"Chạy giặc"	Nguyễn Đình Chiểu, thơ trung đại
II, Đề 3	"Thu ẩm"	Nguyễn Khuyến, thơ trung đại
II, Đề 4	"Nhớ ngoại"	Bảo Ngọc, thơ đương đại
II, Đề 5	"Chẳng gì có thể đẹp hơn"	Nguyễn Giang San, thơ đương đại
II, Đề 6	"Những mùa cỏ xanh"	Trương Minh Hiếu, thơ đương đại
II, Đề 7	"Trên núi"	Phùng Thị Hương Ly, thơ đương đại
III, Đề 1	"Sông lấp"	Trần Tế Xương, thơ trung đại
III, Đề 2	"Thăng Long thành hoài cổ"	Bà Huyện Thanh Quan, thơ trung đại
III, Đề 3	"Tự tình" (I)	Hồ Xuân Hương, thơ trung đại
III, Đề 4	"Bản nháp"	Vân Anh, thơ đương đại
III, Đề 5	"Ngó với hoa mai"	Nguyễn Văn Mạnh, thơ đương đại
III, Đề 6	"Bếp quê"	Nguyễn Giang San, thơ đương đại
IV, Đề 1	"Cuộc kêu cảm hứng"	Nguyễn Khuyến, thơ trung đại
IV, Đề 2	"Tống biệt"	Tản Đà, thơ đầu thế kỉ XX
IV, Đề 3	"Khăn thương nhớ ai"	Ca dao
IV, Đề 4	"Miền Trung"	Hoàng Trần Cương, thơ đương đại
IV, Đề 5	"Viễn ca"	Nguyễn Tiến Thanh, thơ đương đại
IV, Đề 6	"Trên những hố bom"	Phùng Thị Hương Ly, thơ đương đại

NHẮN ZALO 0328 961 617

để nhận bản đầy đủ của tài liệu này và danh mục toàn bộ tập tài liệu Ngữ văn 10, 11, 12 của trang Kết Nối Tri Thức | Ngữ Văn.

Khi nhắn, cho biết đang học hoặc dạy khối nào và cần phần nào trước, để được gửi đúng tài liệu.